

Số: 01/2024/QĐST-DS Đ, ngày 19 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 13/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 (Số mới 03/2024/TLST-DS ngày 02/01/2024) về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo Ủy quyền: Ông Nguyễn Phi Phan V1 – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: Thôn A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- **Đồng bị đơn:** Ông Ngô Gia Đ, sinh năm 1986; Bà Võ Thị T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ, thời gian trả nợ và xử lý tài sản thế chấp:

Tính đến hết ngày 11/3/2024, ông Ngô Gia Đ và bà Võ Thị T còn nợ Ngân hàng N số tiền là: **365.795.959 đồng** (Ba trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm chín lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), nợ lãi là 65.795.959 đồng (sáu mươi lăm triệu bảy trăm chín lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).

Chậm nhất là đến hết ngày 30/3/2024, ông **Ngô Gia Đ** và bà **Võ Thị T** có trách nhiệm phải trả cho **Ngân hàng N** số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 11/3/2024 là **365.795.959 đồng** (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm chín lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng*) và lãi suất phát sinh trên số dư nợ còn lại kể từ ngày 12/3/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5106-LAV-202100677 ngày 10/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho **Ngân hàng N**.

Nếu đến thời hạn theo thỏa thuận mà ông **Ngô Gia Đ** và bà **Võ Thị T** không trả hoặc trả chưa hết khoản tiền nợ còn lại cho **Ngân hàng N** thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số: 94; Tờ bản đồ số: 06; Diện tích 151 m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: đất ở tại **đô thị E** m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 98 m<sup>2</sup>; Thời hạn sử dụng: đất ở tại đô thị lâu dài, đất trồng cây hàng năm khác đến ngày 01/07/2064 ; Địa chỉ thửa đất: **Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum**; Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 955186; được **UBND huyện Đ** cấp ngày 12 tháng 8 năm 2019; vào sổ cấp GCN số CS01806; chủ sử dụng đất: Ông **Ngô Gia Đ**, sinh năm 1986 và bà **Võ Thị T** sinh năm 1996; địa chỉ: **Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum**; theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 5106-LAV-202100677 ngày 10/6/2021, hợp đồng ủy quyền được ký kết giữa **Ngân hàng N** và ông **Ngô Gia Đ**, bà **Võ Thị T** để thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để thanh toán hết khoản nợ, buộc ông **Ngô Gia Đ**, bà **Võ Thị T** tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 5106-LAV-202100677 ngày 10/6/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi.

## 2.2. Về chi phí tố tụng:

Ông **Ngô Gia Đ** và bà **Võ Thị T** phải trả cho **Ngân hàng N** số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

## 2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Căn cứ Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông **Ngô Gia Đ** và bà **Võ Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.144.899 đồng (*Chín triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi chín đồng*).

Hoàn trả lại cho **Ngân hàng N** số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 8.800.000 đồng (*Tám triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002407 ngày 05/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Glei;
- Chi cục THADS huyện Đăk Glei;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Y Trình**